

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 376 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cao Bằng, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2019-2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 308/TTr-SNN ngày 18 tháng 3 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, xóm, làng, bản đạt chuẩn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới trên địa bàn địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2019-2020 (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới).

**Điều 2.** Phạm vi, đối tượng áp dụng đối với 448 thôn, 36 xã của 08 huyện (như Biểu Các thôn thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 kèm

theo Quyết định này) và là căn cứ để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

### **Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu hướng dẫn cụ thể việc xây dựng và thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu. Chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy trình xét, công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai nội dung giao cho các sở, ngành và UBND các huyện.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, các xã rà soát, đánh giá hiện trạng các thôn thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020, làm cơ sở xây dựng kế hoạch giai đoạn 2019-2020 và hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. UBND 08 huyện có các thôn thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng các thôn để xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; UBND các huyện, các xã có thôn thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT; (bản ĐT)
- VP UBND tỉnh: Các PCVP;
- UBND các huyện, các xã có thôn thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Cao Bằng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NL (Kh 60 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**



**BỘ TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC BIÊN GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2019-2020**

*(ban hành kèm theo Quyết định số: 376 /QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo thực hiện
<b>I. NHÓM TIÊU CHÍ VỀ TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG</b>				
1	<b>Ban Phát triển thôn</b>	Có Ban Phát triển thôn được thành lập, kiện toàn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận; hoạt động hiệu quả theo các nhiệm vụ được UBND xã giao. Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Quyết định này	Đạt	Sở Nội vụ
2	<b>Quy ước, hương ước</b>	Có quy ước, hương ước thôn được đại đa số (khoảng 95%) người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	<b>Kế hoạch thực hiện</b>	Thôn có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn được UBND xã phê duyệt, được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng (bản kế hoạch đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, các nguồn nội lực của thôn, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2019-2020 và lộ trình thực hiện từng năm, dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng).	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>II. NHÓM TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THÔN</b>				
4	<b>Mô hình/dự án sản xuất, kinh doanh</b>	Trên địa bàn thôn có ít nhất 01 mô hình/dự án sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề...) có hiệu quả; hoặc ngành nghề nông thôn, hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng, hoặc theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	<b>Kinh tế hộ</b>	5.1. Thu nhập bình quân đầu người của thôn (triệu đồng/người/năm; được tính tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới)	Năm 2019 $\geq$ 20	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2020 $\geq$ 22	
		5.2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn thôn (trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định)	$\leq$ 15%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
5.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq$ 20%			

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo thực hiện
6	Môi trường và cảnh quan nông thôn	6.1. Cảnh quan, không gian nông thôn xanh-sạch-đẹp, không có các hoạt động xả chất thải gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo vệ sinh môi trường các nơi công cộng	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường	≥ 20%	
		6.3. Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn thôn được các hộ gia đình tự thu gom, xử lý	Đạt	
		6.4. Mai táng theo quy hoạch và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán của địa phương	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động)	Đạt	Sở Y tế
		6.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.7. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	≥ 50%	
7	Giao thông	7.1. Đường trục thôn ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 60%	Sở Giao thông Vận tải
		7.2. Đường ngõ sạch và không lầy lội vào mùa mưa	≥ 60%	
8	Thủy lợi	8.1. Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa nước được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		8.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	
9	Điện	9.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Sở Công thương
		9.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn	≥ 90%	
10	Thông tin và truyền thông	10.1. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn có phương tiện nghe, nhìn để tiếp cận thông tin (tivi hoặc máy radio)	≥ 75%	Sở Thông tin và Truyền thông
		10.2. Thôn có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	
11	Nhà ở dân cư	11.1. Nhà tạm, dột nát	≤ 5%	Sở Xây dựng
		11.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 50%	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo thực hiện
12	Giáo dục	12.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1; trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào trung học cơ sở	≥ 90%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		12.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp, dạy nghề)	≥ 70%	
13	Y tế	13.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	Sở Y tế
		13.2. Có nhân viên y tế thôn được đào tạo theo Chương trình do Bộ Y tế quy định	Đạt	
		13.3. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 26,7%	
14	Văn hóa	Thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	An ninh trật tự	Thôn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; không có hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ nội bộ nhân dân; không có các hoạt động truyền đạo trái pháp luật; không có khiêu khích đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án trên địa bàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước	Đạt	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
16	Hệ thống chính trị	16.1. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Sở Nội vụ
		16.2. Chỉ bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	



**CÁC THÔN THỰC HIỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI****GIẢI ĐOẠN 2019-2020***(kèm theo Quyết định số: 376/QĐ-UBND ngày 05/4/2019**của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng*

<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
<b>I-HUYỆN BẢO LẠC</b>		
1	<b>Cốc Pàng</b>	Khuổi Khâu
2		Khuổi Sá
3		Cốc Pàng
4		Cốc Sâu
5		Nà Rại
6		Nà Luông
7		Nà Mía
8		Nà Nhùng
9		Cốc Mười
10		Nà Pù
11		Khuổi Đằm
12		Nà Nộc
13		Cốc Mòn
14		Khuổi Tằng
15		Nà cam
16		Vằng Có
17	<b>Thượng Hà</b>	Lũng Păn
18		Cốc Thốc
19		Nà Rạ
20		Phiêng Sinh
21		Nà Ngàm B
22		Khuổi Pậu
23		Bó Vài
24		Nà Quảng
25		Nà Tền
26		Lũng Nà
27		Bản Chang
28		Khuổi Chủ
29		Nà Tông
30		Nà Viêng
31		Khuổi Pụt
32		Nà Ngàm A
33		Pác Riệu
34		Nà Đứa
35		Nà Dạn
36		Phiêng Sáng

<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
37	<b>Cô Ba</b>	Nà Lùng
38		Nà Rào
39		Phiêng Mòn
40		Nà Đôm
41		Khuổi Đào
42		Nà Bốp
43		Lũng Vây
44		Nà Tao
45		Ngàm Lôm
46	<b>Khánh Xuân</b>	Kha Rào
47		Cốc Pục
48		Bản Phồng
49		Bản Diêm
50		Nà Quy
51		Nà Luông
52		Xum Hâu
53		Thăm Han
54		Lũng Quang
55		Lũng Chàm
56		Hò Lù
57		Lũng Quây
58		Cà Lò
59		Mác Nặng
60		Lũng Piao
61		Cốc Lại
62		Lũng Rỳ
63		Pác Kéo
64		Lũng Khuyết
65		<b>Xuân Trường</b>
66	Xà Phìn	
67	Tả Xáy	
68	Lũng Pù	
69	Cốc Kẹc	
70	Thua Tổng	
71	Bả Thán	
72	Nà Đoỏng	
73	Thiêng Lầu	
74	Nà Chộc	
75	Bản Chuồng	
76	Lũng Rạc	
77	Phia Phong	



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>	
78		Phìn Sảng	
79		Lũng Pèo	
80		Mù Chàng	
81		Cao Bắc	
82		Thảm Tôm	
<b>II-HUYỆN THÔNG NÔNG</b>			
83	<b>Cần Nông</b>	Bó Thầu	
84		Ngườm Quốc	
85		Lũng Rì	
86		Nặm Đông	
87		Phia Rạc	
88		Nà Én	
89		Nà Ca	
90		Nà Tênh	
91		Khau Dừa	
92		Lũng Vai	
93		Phiêng Pán	
94		Nặm Dừa	
95		<b>Cần Yên</b>	Đông Có
96			Nà Lũng
97	Bó Rằng		
98	Lũng Bùng		
99	Nà Phạc		
100	Lũng Khuông		
101	Cà Rinh		
102	Lũng Khoang		
103	Bản Ái		
104	Bản Ngắm		
105	Nà Thín		
106	Chợ Cũ		
107	Nà Pàng		
108	Dẻ Cóc		
109	Bản Gải		
110	Phia Đén		
111	Nà Vài		
112	<b>Vị Quang</b>	Nà Lìn	
113		Nà So	
114		Lũng Vai	
115		Khuổi Rẹp	
116		Xam Kha	
117		Lũng Chi	



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
118		Bản Chang
119		Cốc Lại
120		Phia Búng
121		Lũng Gà
122		Bản Đâu
<b>III-HUYỆN HẠ LANG</b>		
123	<b>Quang Long</b>	Kiềng Phặc
124		Lũng Lạc
125		Khị Rót
126		Xa Lê
127		Khèo Mèo
128		Nậm Tát
129		Lũng Cuốn
130		Luông Trên
131		Luông Dưới
132		Bó Mực
133		Bó Chia
134	<b>Lý Quốc</b>	Bang Trên
135		Khi Cháo
136		Bang Dưới
137		Bằng Ca
138		Lý Vạn
139		Lũng Pấu
140		Bản Khoàng
141		Đông Thoang
142		Bản Sao
143		Lũng Phiô
144		Khưa Khoang
145		Nậm Tóc
146	<b>Đồng Loan</b>	Bản Thuộc
147		Bản Lện
148		Bản Sáng
149		Rúm Phục
150		Lũng Nậm
151		Búa-Cúng-Mản
152		Bản Miào
153		Bản Nha
154		Bản Lung
155		Tông Nưa
156		Pò Măn
157		Thôm Cương

<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
158	<b>Thị Hoa</b>	Khu Đâu
159		Cốc Nhan
160		Phia Đán
161		Đông Cầu
162		Bản Nháng
163		Ngườm Già
164		Khu Nọc
165		Thôm Quýnh
166		<b>Thái Đức</b>
167	Pác Khao	
168	Nà Hoạch	
169	Cốc Cọt	
170	Pác Lung	
171	Kênh Nghiều	
172	Bản Lạn +Lụng	
173	Cô Coọng	
174	Nà Lung	
175	<b>Minh Long</b>	Bản Suối
176		Luộc Khiếu
177		Nà Quán
178		Nà Vị
179		Đa dưới
180		Đa trên
181		Nà Ma
182		Bản Thang
183		Lược Khénh
184		Bản Khuý
185	<b>Việt Chu</b>	Đảng - Tính
186		Bản Ngay
187		Nà Kéo
188		Nà Thán
189		Bản Khau
190		Bản Các
191		Phạc Nhạng
192		Pác Ty
193		Bản Khoong
194		Sa Tháy
195		Thôm Tháy
<b>IV-HUYỆN TRÀ LĨNH</b>		
196		Bó Hoạt
197		Co Tó A



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
198	<b>Cô Mười</b>	Co Tó B
199		Vạc Khoang
200		Cô Mười
201		Bản Tám
202		Lũng Táo
203	<b>Xuân Nội</b>	Lũng Tung
204		Lũng Mười
205		Nà Ngón
206		Lũng Noọc
207		Bản Mán
208		Làn Hoài
209		Đông Luông
210		Súm Trên
211		Súm Dưới
212		Bản Khuổi
213		Mán Đâu
214	<b>Tri Phương</b>	Nà Giốc
215		Đông Cắm
216		Lũng Nặm
217		Nà Hán
218		Bản Soa
219		Pác Soa
220		Lũng Láo
221		Bình Chính trên
222		Bình Chính Dưới
223		Củng Kẹo
224		Nà Đán
225		Lũng Pầu-Thiến
<b>V-HUYỆN PHỤC HÒA</b>		
226	<b>Cách Linh</b>	Phố 2
227		Lãng Hoài Đâu
228		Noọc Tổng
229		Phố 1
230		Bản Riêng Dưới
231		Khuổi Luông
232		Khuổi Piao
233		Khuổi Xám
234		Bản Riêng Trên
235		Lũng Vài
236		Bó An
237		Khưa Đa



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>	
238		Bản Mỏ	
239		Bản Mên	
240		Đông Chiêu	
241		Lũng Thính	
242		Lãng Hoài Noọc	
243		Hát Pát	
244		<b>Đại Sơn</b>	Cốc Khuyết
245			Không Vắc - Rằng Khoen
246			Lũng Om
247	Nà Trích-Pác Liêng		
248	Cốc Lùng		
249	Cốc Phường		
250	Bản Chu		
251	Khưa Ninh - Lũng Lầu		
252	Bó Nộc - Bó Tềng		
253	Bó Luông		
254	Bản Mới		
255	Thang Nà		
256	Lũng Riền		
257	Bản Chang		
258	Bản Mây		
259	Bản Sát		
<b>VI-HUYỆN BẢO LÂM</b>			
260	<b>Đức Hạnh</b>	Lũng Mần	
261		Dình Phà	
262		Chè Lý A	
263		Hát Hân	
264		Nà Hu	
265		Khuổi Sang	
266		Cốc Phung	
267		Cà Mềng	
268		Cà Đông	
269		Cà Pên B	
270		Cà Pên A	
271		Cà Lung	
272		Khuổi Vác	
273		Đội Lý	
274		Ngàm Trái	
275		Nà Và	
276		Chè Lý B	
277		Nà Sa	

STT	XÃ	Thôn thực hiện
<b>VII-TRUNG KHÁNH</b>		
278	<b>Ngọc Côn</b>	Phia Muông
279		Phia Siêm
280		Keo Giáo
281		Khưa Hoi
282		Phia Mạ
283		Pò Peo
284		Bản Miài
285		Bo Hay - Pác Ngà
286		Đông Si-Nà Giào-Tự Bản
287		<b>Ngọc Khê</b>
288	Đông Ồi	
289	Giộc Sung	
290	Lũng Hoài	
291	Nà Bai - Khả Mong	
292	Nà Gạch - Nà Lũng	
293	Bản Nhom	
294	Đông Dọa	
295	Ta Nay	
296	Giộc Sâu	
297	<b>Đình Phong</b>	Giộc Giao
298		Nà Sa
299		Bản Luông
300		Bo Thốc
301		Bản Chang
302		Ta Nang
303		Đông Luông - Chi Choi
304		Nộc Cu
305		Giảng Gà
306		Lũng Nậm
307		Ta Liêng
308		Vương Luông - Ta Mẩn
309		Nà Thoang
310		Pác Gọn
311	<b>Đình Phong</b>	Cô Muông
312		Nà Đeng-Lũng Nọi
313		Bản Thuôn
314		Bản Dít
315		Bản Phang
316		Bản Giốc
317		Đội I-Lũng Phiắc



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>	
318	<b>Đàm Thủy</b>	Đội II-Lũng Phiắc	
319		Đội III-Lũng Phiắc	
320		Keo Nà	
321		Bản Nưa	
322		Bãi Cái	
323		Bản Mom	
324		Hang Thoang-Giộc Mạ	
325		Bản Chang	
326		Bản Giun - Khuổi Ky	
327		Lũng Niếc	
328		Đồng Tâm - Bản Rạ	
329		<b>Chí Viễn</b>	Nà Mu
330	Bản Ruộc		
331	Pác Mác		
332	Nà Tuy		
333	Đông Long		
334	Pò Tấu		
335	Nà Sơn		
336	Lũng Nội		
337	Phia Deng		
338	Thanh Lâm		
339	Bong Trên		
340	Bong Dưới		
341	Kéo Háng		
342	Bản Khậy		
343	Trúc Bảo		
344	Phia Móc		
345	Đồng Tâm		
346	Bản Hang		
347	Đông Môn		
348	Đông Deng		
349	Lũng Hoạt		
350	Bản Thay		
351	Gò Ma		
352	<b>Phong Nặm</b>		Giốc Rùng
353			Đà Bút
354			Bãi Ban
355			Nà Thông
356			Pác Đông
357		Nà Chang	
358		Đà Bè	



<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>	
359		Lũng Đìêng	
360		Lũng Rỳ	
361	<b>Lãng Yên</b>	Rảng Rang	
362		Lũng Rảng	
363		Đông Niêng	
364		Pác Nà	
365		Kéo Tong	
366		Lũng Gia	
367		Bản Chiên	
368		<b>Ngọc Chung</b>	Pác Bó
369			Cốc Chia
370	Pác Quan		
371	Giộc Khăm		
372	Giộc Vung		
373	Lũng Chuông		
374	Lũng Bắng		
375	Lũng Chát		
376	Nậm Thúm		
<b>VIII-HUYỆN HÀ QUẢNG</b>			
377	<b>Nà Sác</b>	Hòa Mục I	
378		Hòa Mục II	
379		Pò Nghiêu Kép	
380		Cốc Sâu	
381		Lũng Pìa	
382		Lũng Lỏng	
383		Thôm Tầu	
384		Mã Lịp	
385		<b>Nội Thôn</b>	Làng Lý
386	Lũng Chuổng		
387	Cả Tiêng		
388	Pác Hoan		
389	Cả Rẻ		
390	Ngừm Vài		
391	Nhĩ Tảo		
392	Rủ Rả		
393	Lũng Rại		
394	Lũng Rỳ		
395	Lũng Mảo		
396		Pác Có	
397		Cô Mươi	
398		Nhĩ Đú	

<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
399	<b>Vân An</b>	Lũng Rầu
400		Bản Khèng
401		Lũng Đa
402		Lũng Thốc
403		Cha Vạc
404		Năm Đìn
405		Cô Phầy
406		<b>Lũng Nặm</b>
407	Kéo Hai	
408	Tông Pò	
409	Thông Sác	
410	Nặm Nhũng	
411	Lũng Chấn	
412	Nặm Sấn	
413	Po Tán	
414	Lũng In	
415	Chợ Nặm Nhũng	
416	Kéo Quén	
417	Cả Giêng	
418	Cả Má	
419	<b>Cải Viên</b>	Lũng Pán
420		Chông Mạ
421		Tả Piầu
422		Nặm Niệc
423		Đông Có
424		Cả Giáng
425		<b>Tổng Cột</b>
426	Cột Nưa	
427	Kéo Sỷ	
428	Ngờm Luông	
429	Lũng Rì	
430	Lũng Giông	
431	Rằng Hán	
432	Lũng Túm	
433	Lũng Tao	
434	Thiên Ngọa	
435	Lũng Ái	
436	Pài Bá	
437	Rằng Đán	
438	Lũng Luông	
439	Lũng Luông	

<b>STT</b>	<b>XÃ</b>	<b>Thôn thực hiện</b>
440	<b>Kéo Yên</b>	Pả Rản
441		Sĩ Ngải
442		Lũng Tú
443		Cáy Tác
444		Nậm Rằng
445		Rằng Púm
446		Lũng Sặng
447		Phía Đó
448		Rằng Rụng